TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 506/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị C, sinh năm 1985. Thường trú: Xóm X, xã Nghi L, huyện Nghi L1, tỉnh Nghệ An, vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1981. Thường trú: đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 9 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Chu Thị C trình bày:

Bà Chu Thị C và ông Võ Văn T tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tự nguyện về sống chung với nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi L, huyện Nghi L1, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số

01/2006 ngày 10/11/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống hạnh phúc được 12 năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông T đam mê cờ bạc, không phụ giúp vợ trong vấn đề kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên cuộc sống gia đình rất khó khăn. Một mình bà C nuôi con và lo toan mọi công việc trong gia đình. Bà C đã khuyên nhủ và tạo điều kiện cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi được. Vì vậy cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm. Nay, bà C không còn tình cảm gì đối với ông T, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn T.

2. Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 11/6/2010. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Võ Văn T và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Chu Thị C và ông Võ Văn T là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Chu Thị C khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Võ Văn T hiện nay đang đăng ký thường trú tại đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Chu Thị C với bị đơn ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghi L, huyện Nghi L1, tỉnh Nghệ An và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2006 ngày 10/11/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà C trong thời gian chung sống giữa bà C và ông T thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông T đam mê cờ bạc, không phụ giúp vợ trong vấn đề kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên cuộc sống gia đình rất khó khăn. Một mình bà C nuôi con và lo toan mọi công việc trong gia đình. Bà C đã khuyên nhủ và tạo điều kiện cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi được. Vì vậy cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân được 04 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn ông Võ Văn T tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông T vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà C yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà C và ông T có 01 con chung là cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 11/6/2010. Bà C yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu Hải đang sống chung với bà C và có nguyện vọng sống với bà C. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Hải cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị C đối với ông Võ Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị C được ly hôn với ông Võ Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Nghi L, huyện Nghi L1, tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/11/2006).

- Về con chung: Giao con chung cháu Võ Hoàng H, sinh ngày 11/6/2010 cho bà Chu Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Chu Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000630 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã Nghi L, huyện Nghi L1, tỉnh Nghệ An (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyên